

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Đáng

2. Ông Nguyễn Văn Đuộm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Nguyễn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thanh T thống nhất xác định: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyển số 02.

Ông C và bà T chung sống có hai người con chung là cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014, hiện đang sống chung với ông C. Ông C và bà T không có tài sản chung và không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, giữa ông C và bà T không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông C và bà T đã tự chấm dứt quan hệ chung sống và sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông C và bà T không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 8 năm 2020, Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa ông C và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, xét không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân hơn 01 năm nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà T. Ông C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Ông C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Lê Thanh T trình bày: Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nên bà T đồng ý ly hôn với ông C, không yêu cầu đoàn tụ và bà T cũng có yêu cầu được ly hôn với ông C. Bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014 cho ông C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 có nguyện vọng sống với bà T thì bà T đồng ý nuôi và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T, cho ông C được ly hôn với bà T; giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014 cho ông C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung

không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Ông C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông C yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bà T; hiện nay, bà T cư trú tại ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt, không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành giải được. Ông C và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà T.

[2] Về nội dung: Ông C và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 174/2014, Quyền số 02 nên hôn nhân giữa ông C và bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông C yêu cầu ly hôn với bà T với lý do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, xét không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C và bà T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 30 tháng 11 năm 2020, bà T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay như ông C trình bày nên bà T đồng ý ly hôn với ông C. Xét thấy, hôn nhân giữa ông C và bà T thực tế đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa ông C và bà T thực tế đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa ông C và bà T đã phát sinh trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa ông C và bà T đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T, xử cho ông C ly hôn với bà T.

Về con chung, xét thấy, cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014, hiện đang sống ổn định cùng với ông C. Đồng thời, cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 có nguyện vọng sống cùng với ông C. Mặt khác, ông C và bà T thống nhất tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí H và cháu Nguyễn Hoàng Gia K cho ông C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông C và bà T; giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014 cho ông C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông C đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Chí H và cháu Nguyễn Hoàng Gia K nên ông C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Chí H và cháu Nguyễn Hoàng Gia K.

Ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông C và bà T thống nhất không có tài sản chung và không có vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân hay cơ quan, tổ chức tín dụng nào nên không có nợ chung, do đó không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, ông C phải nộp 300.000 đồng. Ông C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0008399 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Lê Thanh T, cho ông Nguyễn Văn C ly hôn với bà Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Văn C đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Chí H và cháu Nguyễn Hoàng Gia K nên ông Nguyễn Văn C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Chí H và cháu Nguyễn Hoàng Gia K

Bà Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bà Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Chí H và cháu Nguyễn Hoàng Gia K nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thanh T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008399 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Xuyên